

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 03 - 2022

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nguyệt Quế.
2. Bà Ngô Thị Phương Trang.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên sơ cấp - Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Đào Thị Thanh C, sinh năm 1988 (*Xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: anh Võ Văn B, sinh năm 1990 (*Vắng mặt lần 2*).

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện N, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ:

Cháu Võ Hoàng Y, sinh ngày 24/3/2012 (*Xin xét xử vắng mặt*).

(*Giám hộ cho cháu Y có chị C là mẹ ruột*).

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Cháu Võ Hoàng D, sinh ngày 29/9/2014 (*Xin xét xử vắng mặt*).

(*Giám hộ cho cháu D có bà L là bà nội*).

Người làm chứng: bà Đặng Thị Bích L, sinh năm 1968 (*Xin xét xử vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã T, huyện N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau:

Hôn nhân của chị C và anh Võ Văn B là tự quen biết nhau, về chung sống như vợ chồng từ năm 2011, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 15/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh B không quan tâm lo lắng cho chị C và các con nên chị C và anh B thường xuyên cãi nhau. Mặt khác, chị C có mâu thuẫn với gia đình bên chồng nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị đã bỏ đi và sống ly thân với anh B từ tháng 9/2015 cho đến nay. Chị C xác định không còn tình cảm với anh B nên xin được ly hôn với anh B.

Về con: Chị C và anh B có 02 con chung tên là Võ Hoàng Y, sinh ngày 24/03/2012 và Võ Hoàng D, sinh ngày 29/9/2014. Hiện nay, cháu Y đang do chị C nuôi dưỡng còn cháu D do anh B nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị C xin được tiếp tục nuôi cháu Y còn cháu D đồng ý giao cho anh B tiếp tục nuôi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Võ Văn B tham gia tố tụng nhưng đương sự đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị C mặc dù đương sự vẫn còn sinh sống tại nơi đăng ký thường trú là ấp V, xã T, huyện N, thành phố Cần Thơ phù hợp với “Biên bản xác minh ngày 27/4/2021”. Nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án vắng mặt anh B theo quy định.

Người có quyền lợi ích được bảo vệ cháu Y và cháu D đều vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án có trình bày như sau: Các cháu đều thừa nhận là con của chị C và anh B, việc ba mẹ ly hôn các cháu không có ý kiến gì. Cháu Y muốn tiếp tục sống chung với chị C còn cháu D muốn tiếp tục sống chung với anh B.

Người làm chứng bà L vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án có trình bày như sau: Bà là mẹ ruột của anh Võ Văn V, chị C và anh B tự quen biết, tự nguyện về sống chung từ năm 2011, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 15/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình chung sống chị C và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ tháng 9/2015 cho đến nay. Chị C và anh B có 02 con chung là Võ Hoàng Y, sinh ngày 24/03/2012 và Võ Hoàng D, sinh ngày 29/9/2014. Từ khi ly

thân cho đến nay cháu Y sống với chị C và cháu D do anh B nuôi dưỡng. Nếu chị C và anh B ly hôn bà cũng đồng ý để cháu Y cho chị C tiếp tục nuôi còn cháu D giao cho anh B tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị hội đồng xét xử cho chị Đào Thị Thanh C được ly hôn với anh Võ Văn B. Về con, giao cháu Y cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu D cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị C không yêu cầu nên không giải quyết nhưng anh B có quyền khởi kiện thành vụ án khác nếu có yêu cầu. Về tài sản chung, riêng và nợ: chị C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết nhưng vẫn dành quyền cho anh B khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tất cả các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân của chị C và anh B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của chị C và anh B hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị C trình bày nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ, chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc. Trong thời gian ly thân chị C và anh B không giải quyết được mâu thuẫn mà còn trầm trọng hơn, chứng tỏ tình cảm anh, chị dành cho nhau chưa đủ lớn để vượt qua cuộc sống đời thường. Nếu duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả chị C và anh B nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh B là phù hợp.

[3] Về con chung: Theo thừa nhận của chị C, bà Đặng Thị Bích L và theo “*Biên bản xác minh*” của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh lập ngày 27/4/2021 thì chị C và anh B có 02 con chung là Võ Hoàng Y, sinh ngày 24/03/2012 và Võ Hoàng D, sinh ngày 29/9/2014. Từ khi ly thân đến nay chị C nuôi cháu Y, cháu D do anh B nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị C xin tiếp tục nuôi cháu Y, giao cháu D cho anh B tiếp tục nuôi

dưỡng. Còn anh B thì vắng mặt trong quá trình giải quyết nên không thể hiện ý kiến về nội dung vụ án. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay chị C nuôi cháu Y còn anh B nuôi cháu D, các cháu đã quen với môi trường sống và nhằm không làm sáo trộn đời sống của các cháu, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung sau khi nguyên, bị đơn ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C tiếp tục nuôi cháu Y và giao cháu D cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Y và cháu D. Về cấp dưỡng chị C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, riêng anh B nếu có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Chị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với anh B nếu có yêu cầu thì vẫn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đào Thị Thanh C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chị Đào Thị Thanh C được ly hôn với anh Võ Văn B.

Về con chung: Giao cháu Võ Hoàng Y, sinh ngày 24/03/2012 cho chị Đào Thị Thanh C tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Võ Hoàng D, sinh ngày 29/9/2014 cho anh Võ Văn B tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Võ Văn B không phải cấp dưỡng nuôi chung. Tuy nhiên, anh B nếu có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Bị đơn anh Võ Văn B nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về án phí: Chị Đào Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã

nộp theo biên lai số AA/2019/016725 ngày 19/3/2021. Chi Chợ không phải nộp thêm án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận

- TAND TP Cần Thơ
- VKS huyện Vĩnh Thạnh
- Thi hành án huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Võ Hà Thía